

Số: 50/KH-UBND

Xuân Hưng, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai, rà soát, phân loại đơn vị hành chính xã Xuân Hưng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc triển khai, rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ tình hình thực tiễn tổ chức bộ máy, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn xã Xuân Hưng;

Ủy ban nhân dân xã Xuân Hưng ban hành Kế hoạch triển khai, rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp xã cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đánh giá đúng thực trạng quy mô, mức độ phát triển và khả năng đáp ứng của bộ máy chính quyền địa phương.

- Làm cơ sở để bố trí tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng chế độ, chính sách phù hợp và phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, đánh giá phải thực hiện đúng tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP; bảo đảm số liệu chính xác, khách quan, thống nhất.

- Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu và nội dung báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, thực hiện đúng tiến độ và quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nội dung rà soát, đánh giá và chấm điểm đơn vị hành chính cấp xã

1.1. Phân loại đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã được phân loại thành 03 loại: loại I, loại II và loại III.

- Việc phân loại nhằm xác định đúng mức độ phát triển, quy mô và vai trò của địa phương, làm cơ sở cho việc bố trí tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

1.2. Nội dung rà soát, đánh giá

- Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở thu thập số liệu thực tế và đánh giá theo 04 nhóm tiêu chí cơ bản, gồm: quy mô dân số; diện tích tự nhiên; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; và các yếu tố đặc thù.

- Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị phải bám sát từng tiêu chí, xác định đúng số liệu, đồng thời đánh giá đúng thực trạng của địa phương, tránh tình trạng thống kê hình thức hoặc không thống nhất giữa các ngành.

1.3. Nguyên tắc và khung điểm phân loại

- Việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Tổng điểm tối đa là 100 điểm, bao gồm điểm của các tiêu chí và điểm ưu tiên (nếu có). Điểm của từng tiêu chí được xác định và làm tròn đến hai chữ số thập phân theo quy định.

- Trên cơ sở tổng điểm đạt được, xác định loại đơn vị hành chính như sau:

+ Từ 75 điểm trở lên: đơn vị hành chính loại I;

+ Từ 60 điểm đến dưới 75 điểm: đơn vị hành chính loại II;

+ Dưới 60 điểm: đơn vị hành chính loại III.

- Việc chấm điểm phải bảo đảm đúng phương pháp, có căn cứ rõ ràng và có tài liệu chứng minh.

1.4. Tiêu chí và phương pháp tính điểm

Các tiêu chí và cách tính điểm đối với đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính. Cụ thể như sau:

1.4.1. Quy mô dân số: Từ 16.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 16.000 người thì cứ thêm 1.000 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm;

1.4.2. Diện tích tự nhiên: Từ 30 km² trở xuống được tính 10 điểm; trên 30 km² thì cứ thêm 5 km² được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm.

1.4.3. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội:

a) Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương được tính 10 điểm.

Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu số thu

ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% trở xuống được tính 3 điểm; trên 40% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm;

b) Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế từ 50% trở xuống được tính 3 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

c) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 50% trở xuống được tính 3 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm;

d) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 4,5% trở lên được tính 3 điểm; dưới 4,5% thì cứ giảm 1% được tính thêm 1 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm.

đ) Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn trên địa bàn xã từ 70% trở xuống được tính 3 điểm; trên 70% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm.

e) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính từ mức bình quân chung của tỉnh, thành phố trở xuống được tính 3 điểm, trên mức bình quân chung của tỉnh, thành phố thì cứ thêm 0,5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm.

g) Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của cơ quan, lãnh đạo cơ quan và được gửi đi trên môi trường mạng trên tổng số văn bản đi của Ủy ban nhân dân cấp xã từ 70% trở xuống được tính 3 điểm, từ 70% trở lên thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm nhưng tối đa không quá 5 điểm.

1.4.4. Các yếu tố đặc thù:

a) Có từ 20% đến 30% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 2 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm;

b) Có đường biên giới quốc gia trên đất liền được tính 3 điểm;

c) Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận được tính 2 điểm.

d) Xã an toàn khu được tính 2 điểm.

1.4.5. Các yếu tố điểm ưu tiên

Trường hợp đơn vị hành chính có đồng thời nhiều yếu tố ưu tiên quy định dưới đây thì chỉ được áp dụng một tiêu chí ưu tiên có mức điểm cao nhất, cụ thể như sau:

a) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số đạt từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính thì được cộng 5 điểm; trên 300% thì cứ thêm 50% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 10 điểm.

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã có diện tích tự nhiên đạt từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính thì được cộng 10 điểm.

c) Đơn vị hành chính cấp xã có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc; hoặc là trung tâm du lịch có thương hiệu quốc tế thì được cộng 10 điểm.

d) Đơn vị hành chính cấp xã được xác định là trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã, phường thì được cộng 3 điểm.

đ) Đơn vị hành chính cấp xã được xác định là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố thì được cộng 5 điểm.

e) Đơn vị hành chính cấp xã được xác định là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố thì được cộng 10 điểm.

1.5. Số liệu phục vụ đánh giá

- Số liệu sử dụng để đánh giá là số liệu đến ngày 31/12/2025.

- Việc thu thập, tổng hợp và tính toán số liệu của từng tiêu chí phân loại đơn vị hành chính được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

- Tài liệu minh chứng là các văn bản do cơ quan có thẩm quyền xác nhận số liệu của cơ quan, đơn vị, bảo đảm có chữ ký và đóng dấu theo quy định.

2. Trình tự thực hiện:

Việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP và được triển khai theo các bước cụ thể như sau:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn tổ chức rà soát, thu thập, thống kê số liệu hiện trạng; trên cơ sở đó thực hiện đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo quy định và dự kiến phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Thời gian hoàn thành **trước ngày 15/4/2026**.

- Bước 2: Trên cơ sở kết quả của các cơ quan, đơn vị, Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét. Thời gian hoàn thành **trước ngày 17/4/2026**.

Bước 3: Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp để xem xét, đánh giá, thống nhất nội dung hồ sơ và kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Thời gian hoàn thành **trước ngày 19/4/2026**.

Bước 4: Sau khi được thống nhất, hồ sơ Đề án được hoàn thiện và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định (**Trước ngày 20/4/2026**)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Là cơ quan chủ trì tham mưu triển khai Kế hoạch; có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện việc rà soát, thu thập, cung cấp số liệu theo đúng nội dung, tiến độ đề ra

- Chủ trì tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu số liệu do các cơ quan, đơn vị cung cấp; tổ chức đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng, hoàn thiện Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp xã và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Đồng thời, theo dõi, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để chỉ đạo xử lý.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức rà soát, thu thập, cung cấp số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu thuộc lĩnh vực quản lý (*theo Phụ lục II*); gửi về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) đúng thời hạn quy định.

- Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị phải chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan để bảo đảm số liệu thống nhất, đầy đủ, không chồng chéo, không bỏ sót nội dung.

- Chủ động đối chiếu số liệu với cơ quan quản lý cấp trên theo ngành dọc trước khi gửi báo cáo; bảo đảm số liệu chính xác, đồng bộ, hạn chế việc điều chỉnh trong quá trình tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch triển khai, rà soát, phân loại đơn vị hành chính xã Xuân Hưng. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Trường Khánh

PHỤ LỤC I
PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, TÍNH TOÁN
CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Xuân Hưng)

1. Cân đối thu, chi ngân sách là tiêu chuẩn so sánh giữa tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn.

2. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế là tỷ lệ phần trăm giá trị sản phẩm của khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của một địa phương.

3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế là tỷ lệ phần trăm tăng lên của tổng sản phẩm trong nước (GDP) của năm báo cáo so với GDP của năm liền kề trước năm báo cáo.

4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là tỷ lệ phần trăm lao động thuộc các ngành kinh tế quốc dân không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (lao động làm việc trong khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lao động làm muối, đánh bắt cá, công nhân lâm nghiệp được tính là lao động phi nông nghiệp) so với tổng số lao động làm việc ở các ngành kinh tế trên địa bàn.

5. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân là tỷ lệ phần trăm thay đổi của năng suất lao động của năm báo cáo so với năng suất lao động bình quân của năm liền kề trước năm báo cáo. Trong đó, năng suất lao động bình quân được tính theo công thức:

$$\text{Năng suất lao động} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP)}}{\text{Tổng số người làm việc bình quân}}$$

6. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn được tính theo công thức:

$$\text{Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) (tính bằng VND)}}{\text{Dân số trung bình trong cùng năm}}$$

7. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội là tỷ lệ phần trăm của số người lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên lực lượng lao động trong độ tuổi trên địa bàn.

8. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều là tỷ lệ phần trăm giữa số hộ nghèo đa chiều so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn.

9. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là tỷ lệ phần trăm giữa dân số sống sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn so với tổng dân số trên địa bàn. Nước sạch đáp ứng quy chuẩn là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

10. Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là tỷ lệ phần trăm giữa dân số sống ở phường được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung so với tổng số dân của phường; do cơ quan thống kê địa phương cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác. Nước sạch là nước được

sản xuất từ các nhà máy xử lý nước, cung cấp cho người dân đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

11. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý so với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển bởi các công ty dịch vụ công ích, doanh nghiệp tư nhân, tổ, đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt,... và đưa đến các cơ sở xử lý chất thải rắn hoặc bãi chôn lấp.

Công thức tính:

$$\frac{\text{Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (\%)}}{\text{}} = \frac{\text{Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (tấn)}}{\text{Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)}} \times 100$$

12. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình là tỷ lệ phần trăm của số lượng hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình so với tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của năm báo cáo. Một hồ sơ được coi là hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau: Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến qua Nền tảng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận, xử lý, có kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử và trả kết quả trên môi trường mạng (nếu tổ chức, cá nhân có yêu cầu thêm kết quả bản giấy thì việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích); không yêu cầu người dân phải đến trực tiếp, nộp bản giấy hoặc cơ quan nhà nước đi thẩm tra, xác minh khi xử lý, thẩm định hồ sơ.

13. Dân số tạm trú quy đổi là dân số tạm trú dưới 06 tháng quy đổi về dân số đô thị, được tính theo công thức sau:

$$N0 = (2Nt \times m)/365$$

Trong đó:

N0: Số dân tạm trú quy đổi về dân số đô thị (người);

Nt: Tổng số lượt khách đến tạm trú ở khu vực nội thành, nội thị và ngoại thành, ngoại thị dưới 6 tháng (người);

m: Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

Số liệu về dân số tạm trú quy đổi do cơ quan công an có thẩm quyền cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác.

14. Việc xác định đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành quyết định về danh sách đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi thì đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi được xác định theo các quyết định công nhận khu vực miền núi, vùng cao đã được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Trường hợp đơn vị hành chính được thành lập trên cơ sở sắp xếp giữa các đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi, vùng cao hoặc sắp xếp giữa các đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi, vùng cao với đơn vị hành chính không thuộc khu

vực miền núi, vùng cao thì đơn vị hành chính sau sắp xếp được xác định là đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

15. Vị trí, vai trò của đơn vị hành chính quy định tại Điều 9 của Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ (*điểm c, d, đ, e, khoản 1.4.5 thuộc nội dung phần 1.4 kế hoạch này*) được xác định theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị, các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc do cơ quan có thẩm quyền phân loại đơn vị hành chính xem xét, quyết định./.